

Chương VII

THÀNH LẬP, PHÂN CHIA, SÁP NHẬP,
GIẢI TÁN XÍ NGHIỆP

Điều 69. — Các xí nghiệp liên hợp và các xí nghiệp trung ương loại I được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Các xí nghiệp trung ương từ loại II trở xuống do Bộ, Tổng cục chủ quản ra quyết định thành lập sau khi được Nhà nước duyệt nhiệm vụ thiết kế, vốn đầu tư, địa điểm.

Các xí nghiệp địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định thành lập sau khi được sự đồng ý của Bộ, Tổng cục chủ quản.

Điều 70. — Nội dung quyết định thành lập phải ghi rõ: tên của xí nghiệp hoặc xí nghiệp liên hợp, cơ quan cấp trên trực tiếp của xí nghiệp, trụ sở, nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh, ngày xí nghiệp bắt đầu đi vào hoạt động.

Điều 71. — Việc phân chia, sáp nhập, giải tán xí nghiệp phải do quyết định của cơ quan đã ký quyết định thành lập các xí nghiệp đó (theo điều 69).

Khi phân chia một xí nghiệp thành nhiều xí nghiệp, việc phân chia tài sản, công nhân, viên chức, cán bộ và phân định các nhiệm vụ, quyền hạn, các nghĩa vụ phải tiếp tục thực hiện, các quyền lợi cho những xí nghiệp mới thành lập phải căn cứ theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Các bên hữu quan phải lập biên bản phân chia, có sự xác nhận của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cấp tương ứng.

Khi hai hoặc nhiều xí nghiệp được sáp nhập thành một xí nghiệp mới, việc hợp nhất tất cả các tài sản, công nhân, viên chức, cán bộ, cùng các nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ, quyền lợi của các xí nghiệp cũ phải căn cứ theo quyết định của cấp có thẩm quyền. Các bên hữu quan phải lập biên bản bàn giao, có sự xác nhận của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính cấp tương ứng.

Cơ quan cấp trên có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn xí nghiệp mới được phân chia hoặc sáp nhập sớm đi vào hoạt động bình thường.

Điều 72. — Khi giải tán xí nghiệp, cấp trên trực tiếp của xí nghiệp phải thành lập một hội đồng, trong đó có giám đốc xí nghiệp bị giải tán và đại diện của các cơ quan tài chính, ngân hàng để thanh lý các tài sản của xí nghiệp, điều động cán bộ, công nhân và có biện pháp giải quyết các nghĩa vụ về hợp đồng kinh tế theo chế độ Nhà nước quy định. Nếu tài sản bị thiếu hụt thì tùy theo mức độ, giám đốc xí nghiệp sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Việc giải tán xí nghiệp phải được hoàn thành trong thời gian chậm nhất là ba tháng kể từ ngày có quyết định giải tán xí nghiệp.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 73. — Điều lệ này được áp dụng cho tất cả các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh và các xí nghiệp liên hợp trung ương và địa phương.

Các Bộ, Tổng cục quản lý sản xuất công nghiệp và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các xí nghiệp và xí nghiệp liên hợp trực thuộc xây dựng các nội quy bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh bản điều lệ này.

Điều 74. — Căn cứ theo những nguyên tắc cơ bản trong điều lệ này, các Bộ, Tổng cục chủ quản của các lâm trường, nông trường, xí nghiệp xây dựng cơ bản, xí nghiệp giao thông vận tải có trách nhiệm nghiên cứu và xây dựng điều lệ quản lý xí nghiệp phù hợp với đặc điểm của ngành mình và trình Hội đồng Chính phủ xét duyệt.

T.M. Hội đồng Chính phủ
K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó thủ tướng
LÊ THANH NGHỊ

QUYẾT ĐỊNH số 150-CP ngày 10-6-1977
ban hành tiêu chuẩn phân phối
diện tích làm việc và diện tích ở.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Để thống nhất quản lý và phân phối hợp lý theo tiêu chuẩn diện tích làm việc và diện tích ở, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác của các ngành, các cấp, cải thiện một bước điều kiện ở của công nhân, viên chức, cán bộ trong biên chế Nhà nước;

Theo đề nghị của đồng chí Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp Thường vụ Hội đồng Chính phủ ngày 18 tháng 5 năm 1977,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành Tiêu chuẩn phân phối diện tích làm việc và diện tích ở.

Điều 2. — Tiêu chuẩn phân phối này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với các tiêu chuẩn phân phối này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. — Các đồng chí Bộ trưởng Phủ thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 1977

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG

TIÊU CHUẨN PHÂN PHỐI

diện tích làm việc và diện tích ở.

(ban hành kèm theo quyết định số 150-CP ngày 10-6-1977 của Hội đồng Chính phủ)

I. TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH LÀM VIỆC

1. Tiêu chuẩn diện tích làm việc bình quân cho cán bộ, nhân viên công tác tại các cơ quan

hành chính, nghiệp vụ không quá $4m^2$ /người, tại các cơ quan thiết kế không quá $5m^2$ /người.

Phần diện tích phục vụ như: phòng thường trực, phòng y tế cơ quan, kho lưu trữ, nhà để xe, nơi bán căng tin, v.v... không tính trong tiêu chuẩn trên.

2. Những bộ phận có đặt máy móc thiết bị như: phòng in ronéo, phòng máy tính, phòng in bản vẽ, v.v... được sử dụng diện tích theo yêu cầu kỹ thuật.

3. Những cơ quan làm công việc tiếp xúc hàng ngày với nhân dân như công an, ngân hàng, thương nghiệp, giáo dục, quản lý nhà đất, v.v... được sử dụng diện tích tiếp khách riêng, do cấp có thẩm quyền duyệt y.

4. Mọi cơ quan, đơn vị công tác đều phải triệt để tiết kiệm diện tích, tận dụng các cơ sở hiện có, sử dụng hợp lý diện tích nhà cửa, không được tự ý sửa đổi cấu trúc nhà cửa nếu không được cơ quan quản lý nhà cửa chấp thuận.

II. TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH Ở

Tiêu chuẩn diện tích ở phân phối cho bản thân cán bộ, công nhân, viên chức thuộc biên chế Nhà nước và những người trong gia đình căn cứ theo sự phân loại đối tượng cán bộ, công nhân, viên chức hiện nay và tùy theo hai trường hợp dưới đây:

Trường hợp 1: Nếu là nhà cửa cũ sẵn có, tiêu chuẩn phân phối tính cho từng đối tượng, áp dụng theo bảng dưới đây:

Số TT	Phân loại đối tượng	Tiêu chuẩn diện tích ở (m^2 /người) tính cho		
		Bản thân	1 người trong gia đình	Cả gia đình
1	A	55 — 60	3.00 — 3.50	Tùy theo số người trong gia đình
2	B	35 — 40	3.00 — 3.50	— nt —
3	C	18 — 21	3.00 — 3.50	— nt —
4	D	10 — 12	3.00 — 3.50	— nt —
5	E	6	3.00 — 3.50	— nt —

Khi phân phối cần thu xếp cho mỗi gia đình có bếp và khu vệ sinh riêng.

Khi trong gia đình có 2 (hai) người thuộc đối tượng loại A hoặc B thì rút bớt khoảng 20 —

$30m^2$ trong tiêu chuẩn diện tích phân phối chung cho cả gia đình.

Trường hợp 2: Nếu là nhà mới xây dựng theo thiết kế kiểu căn hộ; tiêu chuẩn phân phối tính cho từng gia đình, áp dụng theo bảng dưới đây:

Số TT	Cán hộ		Số người trong gia đình, trong đó có một người thuộc đối tượng loại				
	Số phòng	Diện tích (m ²)	A	B	C	D	E
1	1	15 - 16					2 - 3 - 4
2	2	20 - 24				2 - 3 - 4	5 - 6 - 7
3	2 - 3	28 - 32			2 - 3 - 4	5 - 6 - 7	8 - 9
4	3	36 - 40		2 - 3 - 4	5 - 6 - 7	8 - 9	10 trở lên
5	3	42 - 48		5 - 6 - 7	8 - 9	10 trở lên	
6	4	50 - 55	2 - 3 - 4	8 - 9	10 trở lên		
7	4 - 5	55 - 65	5 - 6 - 7	10 trở lên			
8	5 - 6	65 - 75	8 - 9				
9	5 - 6	75 - 85	10 trở lên				

Đối với các đối tượng loại A, B, C, D, nếu trong gia đình có 2 người trở lên cùng tiêu chuẩn thì được phân phối nâng lên 1 cấp.

III. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Mỗi người chỉ được phân phối một chỗ ở. Khi không sử dụng nữa, nhà cửa phải trả lại Nhà nước, không được cho, nhượng, sang tên, đổi chác dưới bất kỳ hình thức nào.

2. Các lực lượng vũ trang căn cứ vào tiêu chuẩn này và căn cứ vào sự phân loại đối tượng tương đương để quy định mức phân phối nhà ở cho sĩ quan, cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước.

3. Các tiêu chuẩn này áp dụng thống nhất trong cả nước. Từng thời gian, tùy khối lượng nhà cửa ở mỗi địa phương mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương quy định tiêu chuẩn phân phối cụ thể cho các đối tượng trong địa phương mình, nhưng quy định của địa phương không được vượt quá 10% tiêu chuẩn chung.

4. Các tiêu chuẩn này chỉ áp dụng cho những người được phân phối chỗ ở mới.

5. Những người đang sử dụng nhà ở theo tiêu chuẩn cũ do thông tư số 529-TTg ngày 8-12-1958 quy định và do Nhà nước phân phối, nếu mức sử dụng diện tích cao hơn mức quy

định trong tiêu chuẩn này thì được giữ nguyên tiêu chuẩn cũ.

6. Người trong gia đình đề tính diện tích phân phối nhà ở là những người do cán bộ công nhân, viên chức trực tiếp nuôi dưỡng và phải ở chung trong hộ gia đình với đương sự.

7. Đối với những cán bộ, công nhân, viên chức làm việc ở một số ngành nghề cần được ưu đãi thêm. Mức ưu đãi không quá 1/3 tiêu chuẩn cho bản thân đối tượng loại E và không quá 1/4 tiêu chuẩn cho bản thân đối tượng loại D. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Lao động, Bộ Văn hóa, Bộ Tài chính và các Bộ, các ngành có liên quan nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các tiêu chuẩn ưu đãi này. Những trường hợp ưu đãi đặc biệt vượt quá mức quy định chung phải do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

8. Mọi cơ quan, tập thể và cá nhân sử dụng nhà cửa đều phải trả tiền thuê nhà theo chế độ chung. Riêng tiền thuê sử dụng diện tích làm việc bắt đầu thanh toán từ ngày 1 tháng 1 năm 1978.

9. Bộ Xây dựng giải thích và hướng dẫn thi hành tiêu chuẩn phân phối này.

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

PHẠM HÙNG